TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO PHONG** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST
Ngày 18/11/2019
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO PHONG, TỈNH HÒA BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Dậu

Ông Nguyễn Đức Mạnh

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Phong.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Phong tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2019 về việc: Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXX - ST ngày 20 tháng 9 năm 2019 Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2019/QĐST- HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị D** - sinh năm 1974. *(Có mặt)*

Bị đơn: Anh **Bùi Văn Nh** - sinh năm 1973 (*Vắng mặt không lý do)*

Cùng cư trú tại: Xóm Um, xã Y, huyện C, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện,bản tự khai và trong qúa trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Bùi Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn Nh kết hôn ngày 27/02/2004 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Lai, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn chị D và anh Nh về sống tại xóm Um, xã Yên Thượng, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian đầu thì xẩy ra mâu thuẫn, nguyên nhân anh Nh không quan tâm, chăm sóc đến vợ con, hay đi uống rượu về chửi và đánh đuổi chị D ra khỏi nhà. Đến đầu năm 2018 chị D đã phải bỏ nhà đi thuê ở chỗ khác và hai vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, trong

thời gian sống ly thân giữa chị D và anh Nh không còn tình cảm vợ chồng, không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Hiện nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được chị xin được ly hôn với anh Nh.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Văn A, sinh ngày 10/3/2004 và Bùi Thanh B, sinh ngày 21/7/2009 hiện này hai cháu sức khỏe bình thường và được đi học, khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B và để anh Nh trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, không ai phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của chị D, Tòa án nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình đã tống đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án đối với anh Nh nhưng hết hạn thông báo mà anh Nh vẫn không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị D. Tòa án cũng đã hai lần triệu tập anh Nh đến Tòa để dự phiên hòa giải (lần thứ nhất vào ngày 16/7/2019 và lần thứ hai vào ngày 13/8/2019) nhưng cả hai lần triệu tập, anh Nh đều vắng mặt không có lý do. Tòa án cũng đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, anh Nh vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án tống đạt, niêm yết giấy triệu tập và thông báo về phiên họp hợp lệ. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được và trong hồ sơ vụ án không có ý kiến của anh Nh đối với yêu cầu khởi kiện của chị D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Phong tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thụ lý và giải quyết vụ án đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị D xin ly hôn Anh Bùi Văn Nh. Giao con chung cho chị Dtrực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Thanh B và giao cho anh Nh trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Văn A đến khi các cháu trưởng thành, chưa ai phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Nh phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy chị Bùi Thị D khởi kiện anh Bùi Văn Nh là vụ án dân sự tranh chấp "Ly hôn" căn cứ vào sổ hộ khẩu anh Nh có nơi cư trú tại Xóm Um, xã Yên Thượng, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày 18/10/2019, nguyên đơn chị D có mặt, bị đơn anh Nhiền vắng mặt không có lý do (vắng mặt lần thứ nhất) nên Hội đồng xét xử không xét xử được vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Nh vắng mặt không có lý do (vắng mặt lần thứ 2). Vì vậy, căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

2. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy trích lục kết hôn số 05/TL-KH ngày 16/5/2019 do Uỷ ban nhân dân xã Đông Lai, huyện Tân Lạc cấp, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị D và anh Bùi Văn Nh là hợp pháp.Trong quá trình chung sống giữa chị D và anh Nh đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị D là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách và bất đồng quan điểm sống. Mặt khác, anh Nh không có trách nhiệm, không quan tâm chăm sóc gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Nay chị D xin được ly hôn với anh Nh. Để có cơ sở xem xét yêu cầu của chị D, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi chị D và anh Nh sinh sống. Kết quả xác minh cho thấy: Anh Nh không chăm lo cho gia đình, Anh Nh nhiều lần uống rượu say về đánh đập cợ con. chị D và anh Nh đã không còn chung sống với nhau đầu năm từ 2018 đến nay đúng như chị D đã trình bày. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Nh đến Tòa trong đó có hai lần triệu tập để tham dự phiên hòa giải đoàn tụ nhưng tất cả những lần triệu tập, anh Nh đều không đến Tòa. Tòa án cũng đã thông báo, niêm yết kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đối với anh Nh nhưng cho đến nay, anh Nh cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị D. Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa chị D và anh Nh đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị D là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Phong.

Về con chung: Căn cứ vào sự xác nhận của chị D và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì chị Dvà anh Nh có hai con chung tên là Bùi Văn A, sinh ngày 10/3/2004 và Bùi Thanh B, sinh ngày 21/7/2009. Chị D xin nuôi một con và để một

con cho anh Nh trực tiếp muôi dưỡng con chung. Xét nguyện vọng của chị D. Mặt khác, tại Biên bản lấy lời khai ngày 19/6/2019, cháu Bùi Văn A có nguyện vọng muốn sống chung với bố, cháu Bùi Thanh Bcó nguyện vọng muốn sống chung với mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của chị D, giao cho chị Bùi Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Thanh B, sinh ngày 21/7/2009 và giao cho anh Bùi Văn Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Văn A sinh ngày 10/3/2004 đến khi các cháu trưởng thành, chưa ai phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Căn cứ vào các Điều 81; 82; 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Chị D chưa yêu cầu Tòa án giải quyết

Về công nợ chung: Chị Dxác nhận không có công nợ chung

Anh Nh vắng mặt không có lời khai về tài sản chung và công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: "*Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn"*, nên chị D phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 2; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thi D được ly hôn anh Bùi văn Nh. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi

Thanh B, sinh ngày 21/7/2009 và giao cho anh Bùi Văn Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Văn A sinh ngày 10/3/2004 đến khi các cháu trưởng thành, chưa ai phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

Về án phí: Chị Bùi Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0001020 ngày 22 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hay ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh HB;
- VKSND huyện CP;
- Chi cục THADS huyện CP;
- UBND xã Đông Lai, xã Yên Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hà